

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: KINH TẾ; Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI HUY KHÔI

2. Ngày tháng năm sinh: 16/11/1977; Nam ☒; Nữ ☐;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Đông Quan, Đông Hưng, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 218/23/8 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 218/23/8 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0985403261;

E-mail: buihuykhoi@iuh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan): Quá trình công tác được liệt kê chi tiết trong bảng 1 dưới đây.

Bảng 1 – Mô tả quá trình công tác

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
10/2000-4/2002	Marketing Team Leader, Tập đoàn Unilever
5/2002-5/2004	Quản lý kinh doanh, Công ty V-pack
6/2004-7/2006	Quản lý Xuất Nhập Khẩu, Công ty Sahadharawat
8/2006-8/2009	Giảng viên thỉnh giảng, ĐH Hùng Vương, CĐ nghề 8, CĐ Vạn Xuân
9/2009-03/2021	Giảng viên cơ hữu, ĐH Công Nghiệp Tp. HCM
04/2021 – Hiện tại	Trưởng Bộ môn Marketing, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn Marketing;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Marketing

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 394 0390 – Ext: 159

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 25 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: C220787; ngành: Đông Phương học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn – Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng đại học ngày 01 tháng 11 năm 2002; số văn bằng: B403565; ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Kinh tế - Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng đại học ngày 12 tháng 12 năm 2006; số văn bằng: 58AV/06VB2; ngành: Ngữ văn Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn – Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày 26 tháng 12 năm 2012; số văn bằng: 0701095; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc

Gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 20 tháng 12 năm 2021; số văn bằng: 000199; ngành: Quản trị; chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh; Nơi cấp bằng TS: Đại học Kinh tế - Tp. Hồ Chí Minh.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

+ *Hướng nghiên cứu 1 – Danh tiếng thương hiệu trường đại học:*

Hướng nghiên cứu đầu tiên của tôi gắn liền với quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, tập trung vào danh tiếng thương hiệu của các trường đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Các nghiên cứu tiêu biểu như (2), (6), (12), (17), (18), (19), (21), (23), (24), (26) đã làm rõ vai trò của hình ảnh thương hiệu, mức độ nhận diện, sự tin tưởng và giá trị cảm nhận của sinh viên đối với các cơ sở giáo dục đại học. Trong quá trình công tác tại Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, tôi đã triển khai đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên”, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, nâng cao chất lượng tuyển sinh và cải thiện trải nghiệm học tập. Hướng nghiên cứu này không chỉ có ý nghĩa thực tiễn đối với nhà trường mà còn đóng góp vào việc nâng cao vị thế của các trường đại học Việt Nam trong môi trường giáo dục toàn cầu hóa.

+ *Hướng nghiên cứu 2 - Hành vi khách hàng:*

Hành vi khách hàng là hướng nghiên cứu trọng tâm mà ứng viên theo đuổi xuyên suốt quá trình học tập và giảng dạy trong ngành Marketing. Ngay từ trước khi thực hiện luận án tiến sĩ, ứng viên đã quan tâm đến các yếu tố tâm lý và xã hội ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng, từ đó tích lũy nền tảng kiến thức vững chắc phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy các học phần như Phát triển sản phẩm và dịch vụ, Marketing căn bản, Nghiên cứu Marketing, Marketing quốc tế và Phương pháp nghiên cứu định lượng. Hướng nghiên cứu này được mở rộng sang lĩnh vực tâm lý học hành vi, đặc biệt là các lý thuyết về tính cách cá nhân và cơ chế truyền miệng trong môi trường kinh doanh truyền thống lẫn kỹ thuật số. Ứng viên đã công bố nhiều công trình khoa học liên quan đến các chủ đề này, trong đó nổi

bật là nghiên cứu tiên phong về hành vi tích trữ thực phẩm mất kiểm soát của người tiêu dùng trong bối cảnh bất ổn xã hội do đại dịch Covid-19 – một trong những nghiên cứu đầu tiên trên thế giới về hiện tượng này (1), cùng với các công trình liên quan khác như (15), (37), (39), (56), (63), (69), (70), (76), (80). Ngoài ra, ứng viên cũng nghiên cứu đa dạng các mô hình hành vi khác như hành vi mua trong lĩnh vực ngân hàng, hành vi của sinh viên trong môi trường học thuật (5), (6), (9). Để hỗ trợ giảng dạy và phát triển chuyên môn, ứng viên đã tham gia biên soạn giáo trình Hành vi khách hàng, góp phần hệ thống hóa tri thức và lan tỏa giá trị học thuật của hướng nghiên cứu này trong môi trường đại học.

+ *Hướng nghiên cứu 3 – Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:*

Bên cạnh nghiên cứu về hành vi khách hàng, ứng viên cũng đặc biệt quan tâm đến mối liên hệ giữa Marketing và lĩnh vực Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp – một trong những trụ cột quan trọng trong phát triển kinh tế hiện đại. Marketing không chỉ là công cụ truyền thông và phân phối sản phẩm, mà còn đóng vai trò chiến lược trong việc hình thành ý tưởng đổi mới, xác định nhu cầu thị trường và xây dựng giá trị khác biệt cho các mô hình kinh doanh khởi nghiệp. Ứng viên đã tích cực nghiên cứu các lý thuyết và mô hình hành vi liên quan đến đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, với các công trình tiêu biểu như (33), (37), (48), (59), (64). Những nghiên cứu này tập trung vào việc khám phá động lực đổi mới, hành vi sáng tạo, vai trò của mạng lưới xã hội và ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến quyết định khởi nghiệp. Thông qua đó, ứng viên không chỉ đóng góp vào nền tảng học thuật của lĩnh vực này mà còn hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy và tư vấn khởi nghiệp trong môi trường đại học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Ứng viên đã hướng dẫn 04 học viên cao học trong đó có 02 học viên đồng hướng dẫn và các học viên đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, và đã được cấp bằng.
- Ứng viên đã chủ nhiệm và nghiệm thu 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở:
 - + Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp cơ sở và đã được thanh lý ngày 27.02.2024 theo biên bản số 13BB/ĐHCN, đạt loại Khá.
 - + Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp cơ sở và đã được thanh lý ngày 21.01.2022 theo biên bản số 12BB/ĐHCN-TLHD, đạt loại Khá.
- Ứng viên đã công bố 23 chương sách quốc tế ở nhà xuất bản có uy tín (14 chương của

NXB Springer, 05 chương của NXB Taylor & Francis, 01 chương của NXB De Gruyter, 01 chương của NXB IOP và 2 chương của NXB IGI Global) và 38 bài báo khoa học quốc tế (33 bài thuộc danh mục Scopus thuộc nhóm Q2, Q3, Q4 và bài báo hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN), 22 bài báo trong nước (06 bài báo tạp chí thuộc hội đồng chức danh giáo sư nhà nước và bài hội thảo trong nước có chỉ số ISBN);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2017-2024	Chiến sĩ thi đua cơ sở	QĐ số 2578/ĐHCN ngày 11/08/2017 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 1938/ĐHCN ngày 14/09/2018 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 1447/ĐHCN ngày 16/08/2019 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 1030/ĐHCN ngày 28/08/2020 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 1279/ĐHCN ngày 08/10/2021 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 2117/ĐHCN ngày 06/09/2022 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 1999/ĐHCN ngày 23/08/2023 của Trường ĐHCN TP.HCM, QĐ số 2137/ĐHCN ngày 31/07/2024 của Trường ĐHCN TP.HCM
Năm học 2029-2020	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Công Thương	QĐ số 702/QĐ-BCT ngày 24/02/2021 của Bộ Công Thương

Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương	QĐ số 3403/QĐ-BCT ngày 13/11/2019 của Bộ Công Thương
2023	Giấy khen có thành tích cao trong hoạt động công nghệ (Hạng mục có nhiều công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín)	QĐ số 667/ĐHCN ngày 08/05/2023 của Trường ĐHCN TP.HCM
2024	Bằng khen của Công đoàn Công Thương	QĐ số 201/QĐ-CDCT ngày 24/09/2024 của Trường ĐHCN TP.HCM

	Việt Nam	
2025	Giấy khen đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024	QĐ số 29/QĐ-ĐU ngày 13/03/2025 của Đảng Ủy Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM
2025	Giấy khen đạt giải Hội thao viên chức người lao động năm 2025	QĐ số 1229/ĐHCN ngày 06/05/2025 của Trường ĐHCN TP.HCM

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, tập thể lãnh đạo Nhà trường và Khoa, và sự hỗ trợ của tập thể đồng nghiệp, ứng viên đã không ngừng phấn đấu nâng cao và cải thiện cả phẩm chất lẫn nghiệp vụ trong suốt thời gian công tác tại Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM, từ khi trở thành giảng viên của trường – tháng 9/2009. Trong vai trò là một nhà giáo đảng viên, ứng viên luôn nêu cao tinh thần gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng. Bản thân luôn giữ gìn lập trường chính trị vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi khó khăn thách thức và các luận điệu của các thế lực chống phá; luôn nêu cao tinh thần học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vĩ đại.

- **Phẩm chất đạo đức, lối sống:** Bản thân ứng viên luôn duy trì phẩm chất đạo đức chuẩn mực của một nhà giáo, duy trì lối sống giản dị, cần kiệm; luôn đề cao các giá trị đạo đức trung thực, khiêm tốn và tương thân, tương ái. Trong vai trò là đảng viên, cán bộ giảng dạy của khoa, trường, ứng viên luôn tham gia tích cực vào phong trào thi đua gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống cách mạng; tích cực vận động, tuyên truyền các đường lối chính sách của Đảng và lãnh đạo Nhà trường đến quần chúng; luôn nêu gương trong việc thực hiện các nghị quyết bảo vệ và phát huy phẩm chất kiên trung của người đảng viên cách mạng. Trong vai trò là chủ nhiệm bộ môn Marketing và giảng viên của khoa, ứng viên luôn nêu cao tinh thần tập thể, đề cao tinh thần dân chủ, tương trợ lẫn nhau. Trong vai trò nhà giáo, ứng viên luôn giữ gìn tư cách chuẩn chỉ, gương mẫu trong giao tiếp, phát ngôn, giữ gìn hình ảnh cao đẹp của người thầy trong lòng học trò.

- **Công tác giảng dạy:** Ứng viên là người luôn không ngừng cải tiến các kiến thức và phương pháp giảng dạy. Ứng viên tham gia giảng dạy ở cả bậc đại học, cao học và nghiên cứu sinh. Ứng viên có khả năng giảng dạy cả bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

- + **Bậc đại học:** Ứng viên hiện đang giảng dạy môn Phát triển sản phẩm và dịch vụ (môn học này được giảng dạy bằng tiếng Anh ở cấp độ 1). Ứng viên từng dạy các môn Marketing căn bản, Nghiên cứu Marketing, Marketing Quốc tế, Kinh tế lượng, Kinh tế Vi mô, Kinh tế vĩ mô, hướng dẫn sinh viên làm nghiên cứu khoa học tham gia các cuộc thi như Khởi nghiệp Infogreen Life, Eureka.
- + **Bậc thạc sĩ:** Ứng viên giảng dạy các môn Chuyên đề 2 Phân tích định lượng, Marketing Quốc tế, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, hướng dẫn học viên làm luận văn và làm nghiên cứu, công bố các bài báo khoa học.
- + **Bậc Tiến sĩ:** Ứng viên giảng dạy môn Phương pháp nghiên cứu định lượng và hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu và công bố nghiên cứu ở các tạp chí quốc tế uy tín.

- **Công tác nghiên cứu:** Nhận thức rõ vai trò của nghiên cứu khoa học đối với công tác giảng dạy chuyên môn nên ứng viên luôn tích cực tham gia các hoạt động khoa học. Ứng viên hoàn thành và đã được nghiệm thu hai công trình khoa học cấp cơ sở, được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại khá vì có hàm lượng khoa học và đóng góp đáng kể cho xã hội. Đề tài ban đầu nghiên cứu về Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên liên quan đến hướng nghiên cứu 1 và 2, đề tài thứ hai là Ứng dụng thống kê Bayes lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng chương trình hoàn tiền của người tiêu dùng tại TP.HCM liên quan hướng nghiên cứu 2. Ứng viên đã công bố 23 chương sách quốc tế ở nhà xuất bản có uy tín (14 chương của NXB Springer, 05 chương của NXB Taylor & Francis, 01 chương của NXB De Gruyter, 01 chương của NXB IOP và 2 chương của NXB IGI Global) và 38 bài báo khoa học quốc tế (33 bài thuộc danh mục Scopus thuộc nhóm Q2, Q3, Q4 và bài báo hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN), 22 bài báo trong nước (06 bài báo tạp chí thuộc hội đồng chức danh giáo sư nhà nước và bài hội thảo trong nước có chỉ số ISBN). Ứng viên là người tiên phong nghiên cứu về hành vi tích trữ thực phẩm trên thế giới khi bất ổn xã hội diễn ra trong trường hợp đại dịch Covid-19 và bài nghiên cứu đã nhận được nhiều trích dẫn, nghiên cứu về đô thị thông minh, phát triển các thuật toán thống kê như PLS, Bayes trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và marketing.

Ứng viên cũng đã chủ biên cuốn giáo trình Hành vi khách hàng (giảng dạy cho cả bậc đại học và sau đại học). Bên cạnh đó, ứng viên thường xuyên tham gia các hội đồng luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và là thành viên hội đồng của nhiều hội thảo khoa học của đơn vị. Ứng viên cũng thường xuyên trình bày tại các hội thảo khoa học quốc tế liên quan đến các chủ đề nghiên cứu của mình.

- **Các kỹ năng nghề nghiệp:** Ứng viên nhận thức rõ ràng tầm quan trọng của các kỹ năng mềm đối với nhà giáo và nhà khoa học trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, vì vậy luôn chủ động trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Bên cạnh việc thành thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ứng viên còn có khả năng giao tiếp đơn giản bằng tiếng Thái Lan. Ngoài ra, ứng viên cũng đã tích lũy vững vàng các kỹ năng về tin học, phân tích dữ liệu, nghiên cứu tài liệu, biên soạn và trình bày nội dung, cũng như kỹ năng thuyết trình trước đám đông. Với nền tảng vững chắc, ứng viên có thể áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau trong chuyên ngành, bao gồm nghiên cứu định lượng, phát triển các thuật toán trong Marketing và ứng dụng AI vào nghiên cứu, nhằm đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành học.

- **Sức khỏe:** Ứng viên luôn duy trì ý thức rèn luyện và chăm sóc sức khỏe một cách nghiêm túc, thường xuyên tham gia các hoạt động thể thao để có thể đáp ứng tốt với áp lực công việc đòi hỏi cường độ cao và liên tục. Với sự kiên trì trong việc tập luyện, ứng viên đã đạt được những thành tích ấn tượng trong các cuộc thi thể thao của nhà trường, đặc biệt là môn bóng bàn, khi giành giải nhất ở các nội dung đơn, đôi và nhì đôi nam nữ tại Hội thao viên chức, người lao động năm 2025. Những hoạt động thể thao này không chỉ giúp củng cố sức khỏe thể chất mà còn nâng cao tinh thần, tạo nền tảng vững chắc cho công tác nghiên cứu và giảng dạy của ứng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

Tính từ khi bắt đầu công tác giảng dạy tại Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM cho tới thời điểm hiện tại, ứng viên đã có 16 năm tham gia vào công tác giảng dạy và nghiên cứu. Cụ thể:

- Từ tháng 09/2009 đến tháng 12/2021: Ứng viên đã giảng dạy các lớp ở bậc đại học, cao đẳng và trung cấp của Khoa Quản trị Kinh doanh (Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM).
- Từ tháng 01/2021 đến nay: Giảng dạy bậc đại học và sau đại học tại Khoa Quản trị Kinh doanh (Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM).

Tổng số giờ hướng dẫn và giảng dạy được mô tả chi tiết như trong bảng 2 dưới đây

Bảng 2: Bảng thống kê số giờ giảng dạy

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			0		351	0	351/418,92/270
2	2020-2021			0		315	0	315/421,87/270
3	2021-2022			0		270	44	314/455,4/243
03 năm học cuối								
4	2022-2023			4		90	221	311/562,57/256
5	2023-2024			0		45	270	315/648,92/256
6	2024-2025			0		70	220	290/575,57/256

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

3.2. Tên ngoại ngữ phục vụ giao tiếp: Thái Lan

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học nghiệp vụ ngôn ngữ thương mại tại Đại học Srinakharinwirot, Bangkok, Thái Lan

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Học Tiến sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM từ năm 2015 đến 2021 có tham gia bảo vệ đề cương, các chuyên đề, bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở bằng tiếng Anh.

- Bảo vệ luận án Tiến sĩ cấp trường bằng tiếng Anh tại Đại học Kinh tế TP. HCM năm 2020.

- Học đại học ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn – Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2005.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy môn nhập môn Phát triển sản phẩm dịch vụ bằng tiếng Anh (cấp độ 1) cho chương trình cử nhân Chất lượng cao (Tiếng Anh tăng cường) của Khoa QTKD, Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM từ năm học 2022-2023 đến nay.

- Hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên viết bài báo khoa học bằng tiếng Anh và công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín.

- Tham gia trình bày tại nhiều hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước (25 hội thảo quốc tế và 01 trong nước).

3.3. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Hồng Nghĩa		✓	✓		06.2023 – 12.2023	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	05/12/2023; Số 2830/QĐ-ĐHCN
2	Nguyễn Việt Lâm		✓	✓		06.2023 – 12.2023	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	05/12/2023; Số 2830/QĐ-ĐHCN
3	Nguyễn Thị Kim Tiền		✓	✓		06.2023 – 12.2023	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	05/12/2023; Số 2830/QĐ-ĐHCN
4	Phạm văn Ba		✓	✓		06.2023 – 12.2023	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	05/12/2023; Số 2830/QĐ-ĐHCN

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Hành vi khách hàng	GT	Nhà xuất bản ĐHCN TP. HCM, 2025	6	✓	Chủ biên, viết Chương 1 (trang 1-32, tham gia chỉnh sửa các chương còn lại)	Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM, Số 1000/QĐ-ĐHCN, ngày 08.04.2025

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
	Không có				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Ứng dụng thống kê Bayes lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng chương trình hoàn tiền của người tiêu dùng tại TP.HCM	CN	22/1QTKD01, Cấp Cơ sở, ĐH Công nghiệp TP. HCM	12 tháng	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 778/QĐ-ĐHCN (ngày 29.03.2022), nghiệm thu ngày 06.04.2022; Xếp loại kết quả: Khá
2	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên	CN	193/KD02, Cấp Cơ sở, ĐH Công nghiệp TP. HCM	12 tháng	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 3087/QĐ-ĐHCN (ngày 29.12.2023), nghiệm thu ngày 10.01.2024; Xếp loại kết quả: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Ứng viên đã công bố 23 chương sách quốc tế ở nhà xuất bản có uy tín (14 chương của NXB Springer, 05 chương của NXB Taylor & Francis, 01 chương của NXB De Gruyter, 01 chương của NXB IOP và 2 chương của NXB IGI Global) và 38 bài báo khoa học quốc tế (33 bài thuộc danh mục Scopus thuộc nhóm Q2, Q3, Q4 và bài báo hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN), 22 bài báo trong nước (06 bài báo tạp chí thuộc hội đồng chức danh giáo sư nhà nước và bài hội thảo trong nước có chỉ số ISBN), trong đó:

- Trước khi bảo vệ TS: Tổng cộng là 27 bài, với 11 bài trong danh mục Scopus, 3 chương sách và 13 bài đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN và hội thảo có chỉ số ISBN.
- Sau khi bảo vệ TS: Tổng cộng 56 bài gồm 19 chương sách và 37 bài, với 22 bài trong danh mục Scopus và 15 bài trong kỷ yếu hội thảo khoa học hoặc tạp chí trong nước hoặc quốc tế có chỉ số ISSN và hội thảo có chỉ số ISBN.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Mã bài báo
I	Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	An empirical study about the intention to hoard food during COVID-19 pandemic https://doi.org/10.29333/ejmste/8207	2	✓	<i>Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education</i> (ISSN: 1993-5250)	Scopus, IF:0.554, Q2	165 (theo Google Scholar)	16 (7), 1-12	Tháng 04, 2020	QT52
2	Factors Influencing on University Reputation: Model Selection by AIC https://doi.org/10.1007/978-3-030-48853-6_13	1	✓	<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4	41 (theo Google Scholar)	898 (177–188)	Tháng 11, 2020	QT71
3	Empirical Study of Purchasing Intention in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-04200-4_53	2	✓	<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4	3 (theo Google Scholar)	809 (751–764)	Tháng 11, 2018	QT72
4	Empirical Study of Worker's Behavior in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-04200-4_52	2		<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4	3 (theo Google Scholar)	809 (742–750)	Tháng 11, 2018	QT73
5	Empirical Study on Banking Service Behavior in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-04200-4_51	2		<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4		809 (742–750)	Tháng 11, 2018	QT74
6	The Relationship Among Education Service Quality, University Reputation and Behavioral Intention in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-04200-4_21	4	✓	<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4	27 (theo Google Scholar)	809 (273–281)	Tháng 11, 2018	QT75
7	Using SmartPLS 3.0 to Analyse Internet Service Quality in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-319-73150-6_34	2	✓	<i>Studies in Computational Intelligence</i> (ISSN: 1860-949X)	Scopus, IF: 0.189, Q4	40 (theo Google Scholar)	760 (430–439)	Tháng 12, 2017	QT76
8	PLS-SEM algorithm for the decision to purchase durian milk with seeds doi: 10.1088/1742-6596/1860/1/012013	4	✓	<i>Journal of Physics: Conference Series</i> (ISSN: 1742-6588)	Scopus, IF: 187		ICAP S(1-6)	Tháng 1, 2021	QT79
9	Using PLS-SEM algorithm for Choice of University in Vietnam doi: 10.1088/1742-6596/1933/1/012066	4	✓	<i>Journal of Physics: Conference Series</i> (ISSN: 1742-6588)	Scopus, IF: 187	8 (theo Google Scholar)	ViCE ST (1-6)	Tháng 1, 2021	QT80
10	AIC Algorithm for Engaging	2	✓	<i>Journal of Physics:</i>	Scopus,		ViCE ST	Tháng	QT81

	Commitment <i>doi: 10.1088/1742-6596/1933/1/012044</i>			Conference Series (ISSN: 1742-6588)	IF: 187		(1-4)	1, 2021	
11	AIC Algorithm for Making Decisions on Supermarket Choice: Evidence from Vietnam <i>https://ceur-ws.org/Vol-3013/20210003.pdf</i>	2	✓	CEUR Workshop Proceedings (ISSN: 1613-0073)	Scopus, IF: 0.166		CEUR R (1-4)	Tháng 11, 2021	QT83
12	Developing University Reputation in The Context of International Integration	1	✓	Emerging issues in economics and business in the context of international integration (ISBN: 978-604-920-167-7)			2 (22- 29)	Tháng 10, 2016	QT57
13	Applying the PLS-SEM Model for the Loyalty of Domestic Travelers <i>https://doi.org/10.1007/978-3-030-77094-5_30</i>	3	✓	Prediction and Causality in Econometrics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-030-77094-5	Book Chapter	10 (theo Google Scholar)	983 (392- 400)	Tháng 2, 2021	C34
14	Empirical Research on the Impact of Brand Awareness on Brand Loyalty: The Mediating Role of Brand Image <i>https://doi.org/10.1007/978-3-030-77094-5_33</i>	2		Prediction and Causality in Econometrics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-030-77094-5	Book Chapter	3 (theo Google Scholar)	983 (392- 400)	Tháng 2, 2021	C35
15	Factors Affecting Medical Mask Purchase Decision in Covid19 Pandemic <i>https://doi.org/10.1007/978-3-030-69744-0_31</i>	3	✓	Artificial Intelligence for COVID-19 NXB: Springer ISBN: 978-3-030-69744-0	Book Chapter		358 (567- 574)	Tháng 1, 2021	C36
16	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp FDI đối với chất lượng dịch vụ khu công nghiệp tại Việt Nam <i>https://jst.iuh.edu.vn/index.php/jst-iuh/article/download/3822/511/6454</i>	2	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (ISSN: 2525-2267)			36B (16- 23)	Tháng 1, 2018	TN3
17	Danh tiếng thương hiệu và ý định mua các khóa nghiệp vụ tại trường Đại Học Công Nghiệp TP.HCM	1	✓	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (ISSN: 2525-2267)			34 (15- 25)	Tháng 4, 2018	TN4
18	Ứng dụng mô hình binary Logistic phân tích chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa <i>https://vjol.info.vn/index.php/YERSIN/article/view/33916</i>	2	✓	Tạp chí Khoa học Yersin (ISSN: 2525- 2372)			3 (1-8)	Tháng 4, 2018	TN5
19	Building university's reputation in integrating TPP	1	✓	Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7756)			8 (75- 790)	Tháng 8, 2016	TN6
20	Sự hài lòng của nhà đầu tư nước ngoài về chất lượng dịch vụ hỗ trợ nộp thuế		✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN:			2021 (301-	Tháng 1,	TN15

				978-604-971-835-9)			309)	2018	
21	Nâng cao danh tiếng trường Đại Học Công Nghiệp TP.HCM trong bối cảnh Việt Nam tham gia Hiệp Định Đối Tác Xuyên Thái Bình Dương TPP		✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp trường (ISBN: 978-604-73-5139-8			2017 (61-73)	Tháng 6, 2017	TN16
22	Nâng cao thu nhập của nông dân trồng cà phê khu vực Tây Nguyên		✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN: 978-604-60-0000-0)			2016 (43-48)	Tháng 1, 2016	TN17
23	Mối quan hệ giữa danh tiếng trường đại học và dự định hành vi của người học trong bối cảnh hội nhập TPP		✓	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (ISBN: 978-604-73-4626-4)			2016 (808-818)	Tháng 9, 2016	TN18
24	Xây dựng danh tiếng trường đại học trong bối cảnh hội nhập TPP		✓	Kỷ yếu hội thảo khoa học (ISBN: 978-604-0-09596-1)			2016 (98-104)	Tháng 1, 2016	TN19
25	Chất lượng dịch vụ cho vay của ngân hàng trong bối cảnh hội nhập TPP		✓	Kỷ yếu thảo khoa học (ISBN: 978-604-922-420-1)			2016 (316-336)	Tháng 1, 2016	TV20
26	Ứng dụng mô hình SEM phân tích danh tiếng trường đại học trong bối cảnh hội nhập TPP		✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN: 978-604-84-1862-5)			Tập 1 (109-119)	Tháng 1, 2016	TN21
27	Động lực giúp Việt Nam vượt qua bão thu nhập trung bình		✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN: 978 - 604 - 946 - 146 - 0)			2016 (104-151)	Tháng 8, 2016	TN22
II	Sau khi được công nhận PGS/TS								
28	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của giới trẻ: Hướng tới tương lai bền vững và chất lượng sống xanh	2	✓	Tạp chí kinh tế và ngân hàng Châu Á (ISSN: 2615-9813)			230 (137-148)	Tháng 5, 2025	TN1
29	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị an toàn lao động trong các doanh nghiệp ngành xây dựng tại Việt Nam https://doi.org/10.63065/ajeb.vn.2025.230.113188	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ (ISSN: 2525-2267)			66 (18-30)	Tháng 3, 2023	TN2
30	Mối quan hệ các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh: xem xét vai trò trung gian của hoạt động truyền miệng điện tử	3	✓	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 6 (ISBN: 978-604-920-283-4)			2024 (580-594)	Tháng 1, 2025	TN7
31	Tác động của tiếp thị kỹ thuật số và hiệu quả tiếp thị đến tính bền vững của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMES) trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh	3	✓	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 6 (ISBN: 978-604-920-283-4)			2024 (326-339)	Tháng 1, 2025	TN8
32	Những yếu tố ảnh hưởng tới ý định mua hàng thông qua hình thức Webrooming của người tiêu dùng sang trọng tại Thành Phố Hồ Chí Minh	3	✓	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 6 (ISBN: 978-604-920-283-4)			2024 (595-609)	Tháng 1, 2025	TN9
33	Kênh bán hàng cho các dự án khởi nghiệp trên sàn thương mại điện tử	3	✓	Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế (ISBN: 978-			2023 (267-	Tháng 11,	TN10

				604-399-576-3)			281)	2023	
34	Nghiên cứu nhân tố rủi ro tác động đến ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng tại Thành Phố Hồ Chí Minh https://ysc.iuh.edu.vn/uploads/2023/12/ysc2023-full-qtkd.pdf	2		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 5 (ISBN: 978-604-920-283-4)			2023 (206-224)	Tháng 12, 2023	TN11
35	Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển đô thị thông minh tại Thành Phố Hồ Chí Minh	4		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 4 (ISBN: 978-604-920-154-7)			2022 (717-733)	Tháng 10, 2022	TN12
36	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị đất đai tại Khu Đô Thị Thủ Thiêm Thành Phố Hồ Chí Minh	5		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học trẻ lần 4 (ISBN: 978-604-920-154-7)			2022 (4-30)	Tháng 10, 2022	TN13
37	Bayesian model selection for student entrepreneurial intention in covid-19 pandemic	3	✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ISBN: 978-604-920-136-3)			2021 (6-14)	Tháng 12, 2021	TN14
38	Application of Bayesian Algorithm for Impacting Social Media Marketing on Smart Electric Motorcycle Purchase Intention https://doi.org/10.1007/978-3-031-77719-6_2	1	✓	Applications of Fuzzy Logic in Decision Making and Management Science NXB: Springer ISBN: 978-3-031-77719-6	Book Chapter		29 (19-33)	Tháng 5, 2025	C23
39	Partial Least Squares for SARS-CoV-2 Risk Perception on Intention to Engage in Online Workout https://doi.org/10.1007/978-3-031-59110-5_15	3	✓	Partial Identification in Econometrics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-031-59110-5	Book Chapter		531 (207-218)	Tháng 8, 2024	C24
40	Application of Bayesian Algorithm for Selecting a Healthcare Facility https://doi.org/10.1007/978-3-031-59110-5_34	3	✓	Partial Identification in Econometrics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-031-59110-5	Book Chapter		531 (509-525)	Tháng 8, 2024	C25
41	A Bayesian Linear Regression Approach to Consumers' Intention to Purchase Second-Hand Clothing https://doi.org/10.1007/978-3-031-59110-5_19	3		Partial Identification in Econometrics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-031-59110-5	Book Chapter		531 (267-275)	Tháng 8, 2024	C26
42	Bayesian Information Criteria in Learning Outcome: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-67770-0_47	2	✓	Applications of Optimal Transport to Economics and Related Topics NXB: Springer ISBN: 978-3-031-67770-0	Book Chapter		556 (683-692)	Tháng 11, 2024	C27
43	Data Analytics-Based Algorithm for Returning Intention to Rural Tourism	2	✓	Machine Learning for Econometrics and Related Topics NXB:	Book		556 (311-	Tháng 11,	C28

	Destinations of Tourists https://doi.org/10.1007/978-3-031-67770-0_23			Springer ISBN: 978-3-031-67770-0	Chapter		317)	2024	
44	Bayesian Consideration for Trust in Ewom: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-43601-7_20	1	✓	<i>Machine Learning for Econometrics and Related Topics</i> NXB: Springer ISBN: 978-3-031-43601-7	Book Chapter		508 (303-314)	Tháng 2, 2024	C29
45	Bayesian Consideration for Analyzing Employee's Motivation: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-35763-3_21	2	✓	<i>Machine Learning for Econometrics and Related Topics</i> NXB: Springer ISBN: 978-3-031-35763-3	Book Chapter	1 (theo Google Scholar)	483 (399-314)	Tháng 2, 2024	C30
46	Smart City—Development Trend in the World and Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-08815-5_2	2	✓	<i>Sustainable Smart Cities</i> NXB: Springer ISBN: 978-3-031-08815-5	Book Chapter	3 (theo Google Scholar)	942 (13-22)	Tháng 11, 2022	C31
47	Smart City—Development Trend in the World and Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-08815-5_2	2	✓	<i>Sustainable Smart Cities</i> NXB: Springer ISBN: 978-3-031-08815-5	Book Chapter	1 (theo Google Scholar)	942 (3-12)	Tháng 11, 2022	C32
48	AIC Algorithm for Entrepreneurial Intention in Covid19 Pandemic https://doi.org/10.1007/978-3-030-87019-5_11		✓	<i>Decision Sciences for COVID-19</i> NXB: Springer ISBN: 978-3-030-87019-5	Book Chapter		320 (3-12)	Tháng 2, 2022	C33
49	PLS-SEM Algorithm for Exploring the Effects on Satisfaction and Loyalty of Fast Food Delivery Service https://doi.org/10.1201/9781032630564	2	✓	<i>Digital Cultural Heritage Challenges, Solutions, and Future Directions</i> NXB: CRC (Taylor & Francis) ISBN: 978-1-032-63056-4	Book Chapter		(155-171)	Tháng 8, 2024	C37
50	Deep Learning for the Turnover Intention of Industrial Workers: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1201/9781032646268	3		<i>Deep Learning for Multimedia Processing Applications</i> NXB: CRC (Taylor & Francis) ISBN: 978-1-032-64626-8	Book Chapter		(350-363)	Tháng 2, 2024	C38
51	AIC Algorithm for Online Cashback: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1201/9781003226888	1	✓	<i>Deep Learning for Multimedia Processing Applications</i> NXB: CRC (Taylor &	Book Chapter		(167-182)	Tháng 10, 2023	C39

				Francis) ISBN: 978-1-003-43858-8					
52	Application of Bayesian Algorithm for Mall Attractiveness https://doi.org/10.4324/9781032688305	2	✓	<i>Revolutionizing the AI-Digital Landscape</i> <i>A Guide to Sustainable Emerging Technologies for Marketing Professionals</i> NXB: Routledge (Taylor & Francis) ISBN: 9781032688299	Book Chapter		(1-14)	Tháng 3, 2024	C40
53	AIC Algorithm for Trust Management in eWOM for Digital Systems https://doi.org/10.1201/9781003319917	3	✓	<i>Computational Intelligence for Cybersecurity Management and Applications</i> NXB: CRC (Taylor & Francis) ISBN: 9781003319917	Book Chapter	1 (theo Google Scholar)	(163-173)	Tháng 4, 2023	C41
54	AIC Algorithm for Employee Motivation https://doi.org/10.1515/9783110733716-001	1	✓	<i>Big Data: A Road Map for Successful Digital Marketing</i> NXB: De Gruyter ISBN: 783110733716	Book Chapter		(1-8)	Tháng 1, 2022	C42
55	Optimal choice for convenience store chain in Vietnam https://doi.org/10.1088/978-0-7503-4801-0	2	✓	<i>Human-Assisted Intelligent Computing Modeling, simulations and applications</i> NXB: IOP ISBN: 978-0-7503-4801-0	Book Chapter		24 (1-9)	Tháng 4, 2023	C43
56	AIC Algorithm for E-Wallet Payment in the COVID-19 Pandemic in Vietnam https://doi.org/10.4018/978-1-7998-9035-5.ch016	1	✓	<i>Handbook of Research on Social Impacts of E-Payment and Blockchain Technology</i> NXB: IGI Global ISBN: 978-1-7998-9035-5	Book Chapter	1 (theo Google Scholar)	16 (1-9)	Tháng 2, 2022	C44
57	AIC Algorithm for Online Purchasing Intention https://doi.org/10.4018/978-1-7998-8081-3.ch004	1	✓	<i>Blockchain Technology and Applications for Digital Marketing</i> NXB: IGI Global ISBN: 978-1-7998-8081-3	Book Chapter	1 (theo Google Scholar)	16 (1-9)	Tháng 2, 2022	C45
58	Mediating role of electronic word of mouth affecting green consumer behavior DOI: https://doi.org/10.18488/11.v13i4.3950	2	✓	<i>International Journal of Management and Sustainability</i> (ISSN: 2306-9856)	Scopus, IF: 0.185, Q4	2 (theo Google Scholar)	193(4) (899-909)	Tháng 10, 2024	QT46

59	Personal Traits of Leaders: Creativity, Engagement, Work Performance, and Innovative Behavior of Lecturers in Some Vietnamese Universities <i>DOI: 10.4018/IJABIM.356404</i>	2	✓	<i>International Journal of Asian Business and Information Management</i> (ISSN: 2306-9856)	Scopus, IF: 0.235, Q3		15(1) (1-17)	Tháng 1, 2024	QT47
60	Factors affecting occupational safety performance in Vietnamese construction enterprises https://dx.doi.org/10.1504/IJAMS.2024.10060568	3		<i>International Journal of Applied Management Science</i> (ISSN: 1755-8913)	Scopus, Q4		16 (1), 28-43	Tháng 01, 2024	QT48
61	Bayesian model selection for barriers in online learning behaviors https://doi.org/10.3233/HIS-230001	1	✓	<i>International Journal of Hybrid Intelligent Systems</i> (ISSN: 1448-5869)	Scopus, IF: 0.349, Q3		19 (1-2), (1-17)	Tháng 01, 2023	QT49
62	Bayesian Model Average for Student Learning Location https://doi.org/10.13052/jicts2245-800X.10211	2	✓	<i>Journal of ICT Standardization</i> (ISSN: 2245-800X)	Scopus, IF:0.352, Q2		10(02), (305-318)	Tháng 05, 2022	QT50
63	Optimal Choice for Online Shopping in COVID-19 Pandemic <i>DOI: 10.47750/QAS/23.187.18</i>	2	✓	<i>Quality - Access to Success</i> (ISSN: 1582-2559)	Scopus, IF:0.203, Q4	5 (theo Google Scholar)	23(18), (143-149)	Tháng 04, 2022	QT51
64	From research to startup: developing green starch straws on an e-commerce platform to boost the community economy towards a sustainable future and a greener quality of life – A seminar deep learning package in R	2	✓	<i>Business Administration International Conference</i> (ISBN: 978-604-920-294-0)			2025 (452-467)	Tháng 05, 2025	QT53
65	Bayesian Model Selection in Learning Outcome <i>DOI: 10.4108/eai.12-11-2022.2327383</i>	2	✓	<i>Proceedings of the 2nd Multidisciplinary International Conference</i>			MIC 2022, (1-8)	Tháng 12, 2023	QT54
66	Impact of functional and psychological barriers on green consuming intention of people in Ho Chi Minh City	2	✓	<i>The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development</i> (ISBN: 978-604-920-167-7)			ICAT SD (543-552)	Tháng 11, 2022	QT55
67	Bayesian model average for brand elements on fast food purchasing intention in Vietnam's sustainable development	2	✓	<i>The 2nd International Conference on Advanced Technology & Sustainable Development</i> (ISBN: 978-604-920-167-7)			ICAT SD (7-18)	Tháng 11, 2022	QT56
68	Algorithm for Boycotting Behavior for Fake Goods https://doi.org/10.1007/978-3-031-64850-2_18	1	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		1051 (198-204)	Tháng 8, 2024	QT58
69	Bayesian Algorithm for Labourer Job Performance at Home in the COVID-19 Pandemic	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		673 (447-460)	Tháng 6, 2023	QT59

	https://doi.org/10.1007/978-981-99-1745-7_32								
70	Bayesian Consideration for Influencing a Consumer's Intention to Purchase a COVID-19 Test Stick https://doi.org/10.1007/978-3-031-27409-1_99	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		647 (1082 – 1092)	Tháng 5, 2023	QT60
71	Using Intention of Online Food Delivery Services in Industry 4.0: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-27409-1_13	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4	2 (theo Google Scholar)	647 (1422 – 151)	Tháng 5, 2023	QT61
72	Bayesian Model Selection for Trust in Ewom https://doi.org/10.1007/978-3-031-27499-2_57	1	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		649 (610 – 620)	Tháng 3, 2023	QT62
73	Bayesian Consideration for Intention to Purchase Safe Vegetables: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-031-27499-2_1	1	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		649 (3 – 15)	Tháng 3, 2023	QT63
74	BIC Algorithm for Exercise Behavior at Customers' Fitness Center in Ho Chi Minh City, Vietnam https://doi.org/10.1007/978-981-19-4831-2_15	2	✓	<i>Lecture Notes in Electrical Engineering</i> (ISSN: 1876-1100)	Scopus, IF: 0.143, Q4	1 (theo Google Scholar)	925 (181 – 191)	Tháng 9, 2022	QT64
75	BIC Algorithm for Word of Mouth in Fast Food: Case Study of Ho Chi Minh City, Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-98689-6_20	3	✓	<i>Studies in Systems, Decision and Control</i> (ISSN: 1876-1100)	Scopus, IF: 0.116, Q4		427 (311 – 321)	Tháng 5, 2022	QT65
76	Consumer's Online Shopping in COVID-19 Pandemic: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-97273-8_42	2	✓	<i>Studies in Systems, Decision and Control</i> (ISSN: 1876-1100)	Scopus, IF: 0.116, Q4		429 (637 – 651)	Tháng 7, 2022	QT66
77	AIC Algorithm for a Decision to Choose the Convenience Store Chain: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-981-19-3394-3_1	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		471 (1 – 10)	Tháng 7, 2022	QT67
78	Partial Least Squares Algorithm for Deciding on Buying Innisfree Cosmetics: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-96305-7_47	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4	1 (theo Google Scholar)	420 (508 – 516)	Tháng 3, 2022	QT68
79	BIC Algorithm for Heineken Brand Awareness in Vietnam Market https://doi.org/10.1007/978-3-030-96299-9_1	2	✓	<i>Lecture Notes in Networks and Systems</i> (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4	3 (theo Google Scholar)	419 (3 – 14)	Tháng 2, 2022	QT69

80	Consumer's Organic Food Buying Intention in COVID-19 Pandemic: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1007/978-3-030-91738-8_32	2	✓	Lecture Notes in Networks and Systems (ISSN: 2367-3370)	Scopus, IF: 0.166, Q4		357 (345–353)	Tháng 1, 2022	QT70
81	PLS Algorithm for Making Decision on Purchasing Laptop: Evidence from Vietnam https://doi.org/10.1145/3524889.3524912	1	✓	7th International Conference on Intelligent Information Technology (ISBN: 978-1-4503-9617-2)	Scopus	1 (theo Google Scholar)	ICIIT 2022 (1-5)	Tháng 2, 2022	QT77
82	Using Behavior of Social Network: Bayesian Consideration DOI: 10.1109/ICDCECE53908.2022.9792752	2	✓	2022 IEEE International Conference on Distributed Computing and Electrical Circuits and Electronics (ISBN: 978-1-6654-8317-9)		1 (theo Google Scholar)	ICDC ECE (1-6)	Tháng 4, 2022	QT78
83	AIC Algorithm for the Behavioral Intention by R Soft-Ware https://doi.org/10.1145/3460179.3460196	2	✓	2021 6th International Conference on Intelligent Information Technology (ISBN: 978-1-4503-8894-8)	Scopus		ICIIT '21 (1-5)	Tháng 2, 2022	QT82

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Marketing số thuộc ngành Marketing	Tham gia	Quyết định số 996/QĐ-ĐHCN, ngày 15.04.2024	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 996/QĐ-ĐHCN, ngày 15.04.2024	
2	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh	Tham gia	Quyết định số 2621/QĐ-ĐHCN, ngày 12.09.2024		Quyết định số 2621/QĐ-ĐHCN, ngày 12.09.2024	
3	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh	Tham gia	Quyết định số 2622/QĐ-ĐHCN, ngày 12.09.2024	Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 2622/QĐ-ĐHCN, ngày 12.09.2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ứng viên cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai ứng viên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Bùi Huy Khôi